

Bản án số: 100/2024/DS-ST

Ngày: 12-9-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Bình và bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 295/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đức Linh, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm 1975 và bà Phạm Thị Dư, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 353, đường MêPu – Đa Kai, tổ 2, thôn 3, xã Sn, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Vũ Hoàng Linh, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Số 129, đường Đào Duy Từ, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:**

1/ Ông Phạm Quang Th, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 93, đường Điện Biên Phủ, khu phố 5, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Ông Nguyễn Phương Nam, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 399, đường Cách mạng tháng tám, khu phố 1, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

2/ Bà Phạm Thị Lệ, sinh năm 1970;

Nơi đăng ký HKTT: khu phố 5, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;

Chỗ ở hiện tại: Khu du lịch Gran Work Phú Quốc, Gành Dầu, Phú Quốc, Kiên Giang.

Tại phiên tòa, có mặt người đại diện hợp của nguyên đơn, bị đơn Phạm Thị Lệ và người đại diện hợp của bị đơn Phạm Quang Th.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng ông T và vợ chồng ông Th, bà Lệ là chỗ anh em với nhau, vì cần tiền làm ăn nên ông Th đã đến nhà tìm gặp vợ chồng ông T hỏi mượn số tiền là 600.000.000đồng.

Để làm tin thì ông Th có lập giấy vay tiền viết tay, qua đó ông Th đã vay của vợ chồng ông T với số tiền 600.000.000đồng, thời hạn hoàn trả 05 năm tính từ ngày 16/12/2026.

Do thời gian gần đây vợ chồng ông T làm ăn thất bại nên muốn thu hồi số tiền đã cho mượn nên có tìm gặp trực tiếp vợ chồng ông Th để yêu cầu trả số tiền trên nhưng ông Th, bà Lệ luôn viện cớ để lánh mặt, né tránh việc hoàn trả tiền lại cho chúng tôi.

Quá trình khởi kiện, ông T và bà Dư yêu cầu ông Th và bà Lệ phải trả số tiền 600.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Quang Th và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Trước đây, vào ngày 13/8/2014 bà Phạm Thị Lệ (vợ cũ ông Th) có vay tiền của bà Đỗ Thị Bích Liễu và ông Nguyễn Vĩnh Toàn, khi vay mượn ông Th không biết cũng không có mặt, chỉ có bà Lệ lập giấy vay tiền viết tay và một mình đứng ra ký nhận nợ số tiền là 30.500.000đồng, sau đó bà Lệ dùng số tiền vay để trả nợ cho người khác.

Sau khi mượn nợ, bà Lệ đã không trả tiền lãi lẫn tiền gốc cho vợ chồng bà Liễu, ông Toàn nên vợ chồng ông Toàn, bà Liễu làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đến ngày 24/6/2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận ra bản án số 23/2015/DS-ST về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, tại bản án trên Tòa án tuyên buộc bà Lệ cùng ông Th phải liên đới trả nợ cho vợ chồng bà Liễu, ông Toàn do lúc mượn nợ đang trong thời kỳ hôn nhân.

Sau khi có yêu cầu thi hành án, ông Th cùng bà Lệ đã đứng ra bán 5m đất trong phần đất đang ở để trả nợ cho vợ chồng bà Liễu, ông Toàn.

Hiện nay, ông Th bị vợ chồng ông T, bà Dư khởi kiện về khoản nợ 600.000.000đồng mà ông Th đã mượn vào ngày 16/12/2016 để mua trâu bò và xây nhà. Ông Th yêu cầu bà Lệ phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ chung khoản vay trên cùng ông Th do lúc mượn nợ còn đang trong thời kỳ hôn nhân và việc mượn nợ để làm kinh tế lo cho gia đình.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Thị Lệ trình bày:*

Năm 1992, bà Lệ kết hôn với ông Th. Do chung sống không hạnh phúc nên ông bà ly hôn vào ngày 07/7/2017, tại Quyết định số 118/2017/QĐST-HN-GĐ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Sau khi ly hôn thì giữa bà Lệ và ông Th đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết ly hôn, con chung, chia một phần tài sản chung và đã giải quyết dứt điểm nợ chung.

Nay, ông T và bà Dư (em ruột ông Th) đã tự lập giấy không với nhau và đưa đơn kiện ra Tòa án, bà Lệ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Dư vì thực tế bà Lệ không mượn tiền ông bà, giấy nợ là do ông Th tự viết cho bà Dư, ông T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Th và bà Lệ có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền nợ vay gốc là 600.000.000đồng và không yêu cầu trả lãi đến thời điểm xét xử. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn trả xong tiền nợ.

Bị đơn Phạm Quang Th đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên ông Th yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ cho cụ thể vì ông và bà Lệ hiện tại đã ly hôn.

Bị đơn Phạm Thị Lệ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lệ cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông Th, bà Lệ không biết và không liên quan đến khoản nợ này.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc cá nhân ông Th có nghĩa vụ trả cho ông T và bà Dư số tiền nợ vay gốc là 600.000.000 đồng, không giải quyết về tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, cần buộc ông Th phải chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí: Buộc ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

(có bài phát biểu kèm theo)

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn thanh toán tiền nợ vay; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố 5, thị trấn Dt, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công khai chứng cứ do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử gồm: 01 đơn yêu cầu đề ngày 28/8/2024 của ông Phạm Quang Th, 01 bản sao lục bản án số 23 ngày 24/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, 01 bản án số 115 ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, 01 bản sao lục đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 của ông Phạm Quang Th, 01 bản sao lục bản khai lập ngày 30/6/2017 của bà Phạm Thị Lệ, 01 bản sao lục bản khai của ông Phạm Quang Th lập ngày 30/6/2017, 01 bản sao lục Quyết định số 118 ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, 01 bản sao lục giấy nợ đề ngày 31/8/2014, để cho các bên đương sự được tiếp cận. Tuy nhiên, các đương sự khác không yêu cầu mở lại phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ mới để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án và Tòa án đã thu thập được theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và do các đương sự cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về tính pháp lý của giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản gốc của 01 giấy vay tiền đề ngày 16/12/2016; bị đơn Phạm Quang Th thừa nhận nội dung giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là do chính ông Th viết và ký tên cho nguyên đơn. Đây là tình tiết, sự kiện đã được các đương sự thống nhất thừa nhận nên thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo nội dung thể hiện trong tài liệu do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận thì có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay tài sản, lập thành văn bản, có thỏa thuận thời hạn vay, không thỏa thuận lãi suất vay và các thỏa thuận khác. Tại thời điểm xác lập giao dịch vay tiền hai bên đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; do đó giao dịch vay tiền hiện qua giấy vay tiền đề ngày 16/12/2016 đảm bảo các quy định tại Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự, nên được pháp luật dân sự bảo vệ.

Căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là trong thời hạn luật định.

[3.2] Về xác định nghĩa vụ trả nợ vay:

Tại Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Quang Th thừa nhận có vay mượn của vợ chồng nguyên đơn số tiền 600.000.000đồng, mục đích xây nhà, lo cho con cái và mua trâu bò, nhưng bị đơn Phạm Thị Lệ không thừa nhận việc ông Th vay tiền của ông T và bà Dư, bà Lệ cho rằng anh em của ông Th ngụy tạo tài liệu của khởi kiện và bà Lệ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà Dư. Tuy nhiên, bà Lệ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của bà là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Căn cứ vào bản gốc giấy vay tiền lập ngày 16/12/2016, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3] Về xác định người có nghĩa vụ thanh toán: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lệ không thừa nhận khoản tiền mà ông Th vay của ông T và bà Dư, tuy nhiên theo lời khai của bị đơn Th thì mục đích vay tiền là để xây nhà, lo cho con cái và mua trâu bò; nhận thấy, việc ông Th thực hiện giao dịch vay tiền của vợ chồng nguyên đơn được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Th và bà Lệ (ông bà kết hôn năm 2003, ly hôn năm 2017), tuy nhiên bà Lệ không chứng minh được đây là nghĩa vụ riêng của ông Th trong thời kỳ hôn nhân với bà Lệ; mặt khác, tại bản án số 115 ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh cũng đã chia đều giá trị căn nhà cho bà Lệ và ông Th; theo tài liệu do ông Th cung cấp thể hiện trong thời kỳ hôn nhân bà Lệ có mượn tiền của bà Liễu ông Toàn, giấy nợ cũng do bà Lệ tự viết, nhưng Tòa án cũng đã buộc ông Th liên đới trả nợ, **bên cạnh đó bà Lệ cho rằng bà và ông Th ly thân từ cuối năm 2014 đến khi ly hôn (có xác nhận của trưởng khu phố 5, thị trấn Dt; Th nhưng vào ngày 11/9/2024, Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn Thức, theo đó ông Thức thừa nhận chỉ xác nhận theo nội dung đơn do bà Lệ yêu cầu, ông Thức không biết về tình trạng hôn nhân giữa bà Lệ và ông Th từ năm 2014 đến năm 2017 (vì trong thời điểm này, ông Thức đang làm Chủ tịch UBND thị trấn Dt), tại bản khai do bà Lệ xác lập tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh vào ngày 30/6/2017 lưu trong hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số 220 ngày 28/6/2017 thì bà Lệ có khai như sau: “...từ năm 2013 đến 2016 mua bán thua lỗ nên tôi có thâm một khoảng nợ nên vợ chồng tôi có sức khỏe...”, không có nội dung nào thể hiện việc ông Th và bà Lệ ly thân vào cuối năm 2014. Do đó, lời khai của bà Lệ không có căn cứ để chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu ông Th và bà Lệ liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay gốc 600.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 27, 30, 33 và 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.**

Tại phiên tòa, bà Lê cho rằng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Th, ngoài khoản nợ của bà Liễu, ông Toàn thì ông bà còn phát sinh nhiều khoản nợ khác, nhưng tính đến thời điểm hiện tại thì bà Lê là người trả lãi cho các chủ nợ nên các chủ nợ chưa khởi kiện ra Tòa án; trường hợp bà Lê có đầy đủ chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ thì bà có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia nghĩa vụ trả nợ trong thời kỳ hôn nhân với ông Th, để giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[3.4] Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đến thời điểm xét xử sơ thẩm, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét giải quyết về tiền lãi phát sinh.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Buộc ông Th và bà Lê phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa về nghĩa vụ liên đới chưa phù hợp với những nhận định tại mục [3.3] của bản án này; các đề nghị khác đều phù hợp với các nội dung còn lại của bản án này.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; Điều 235, khoản 1 Điều 147; Điều 161, Điều 262; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 30, 33, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn T và Phạm Thị Dư.

Buộc ông Phạm Quang Th và bà Phạm Thị Lê có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn T và bà Phạm Thị Dư số tiền nợ vay gốc là 600.000.000 (bằng chữ: sáu trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## 2. Về án phí:

- Buộc ông Phạm Quang Th và bà Phạm Thị Lệ phải liên đới nộp số tiền 28.000.000 (bằng chữ: Hai mươi tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Trả lại cho ông Võ Văn T và bà Phạm Thị Dư số tiền 14.000.000 (bằng chữ: Mười bốn triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo các biên lai thu tiền số: 0004704 ngày 18 tháng 7 năm 2024.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thuận**

+ 09 chứng từ giao dịch vào các  
ngày 7/11/2023,

22/11/2023,

27/12/2023,

25/10/2022,

03/11/2022,

07/11/2022,

21/12/2022,

8/9/2022 (2 chứng từ)

+ 05 tài liệu gốc có nội dung mượn tiền đề  
ngày 7/10/2022, (tiền mặt)

25/10/2022, (chuyển khoản)

03/11/2022, (chuyển khoản)

7/11/2022, (chuyển khoản)

11/5/2023, (tiền mặt)

30/01/2021, (tiền mặt)

02/1/2021, (tiền mặt)

24/1/2021, (tiền mặt)

22/4/2021, (tiền mặt)

27/1/2021, (tiền mặt)

15/4/2021, (tiền mặt)

20/9/2022, (tiền mặt)

08/9/2022 (chuyển khoản 2 lần: 01 lần 100Tr và 02 lần 40Tr)

và 21/12/2022 (chuyển khoản)